

DUY-MA KINH NGHĨA KÝ

QUYỂN 3 (Phần 2)

Sau đây là nói về thành tựu. Sở hành là đạo công dụng, Sở thành là đức vô công dụng. Sở thành tựu có hai:

1. Người được thành tựu.
2. Việc được thành tựu.

Y cứ vào nghĩa lợi tha hóa ích ở trước, thì Thiên nữ thành tựu đức xuất thế chẳng thể nghĩ bàn gọi là người được thành tựu. Nếu y cứ vào nghĩa tự lợi ở trước, thì thành tựu Báo độ thanh tịnh là ngôi trượng thất cư trụ có tám điều chưa từng có, tức là việc được thành tựu. Đó đều là nhờ vào ngài Duy-ma mà hiển bày, lý thông tất cả. Văn gồm có ba:

1. Thiên nữ nghe nói liền hiện thân.
2. Từ câu “dùng hoa trời rải trên người các Bồ-tát...” trở xuống là nhờ vào hoa để hiển đức.
3. Từ câu “lúc bấy giờ ông Duy-ma-cật nói với ngài Xá-lợi-phất...” trở xuống là luận về thật để hiển đức.

Đoạn một, đầu tiên ghi: “Lúc bấy giờ trong trượng thất của ông Duy-ma” là nêu nơi chốn; “Có một Thiên nữ” là nêu người, ở đây Thiên là chỉ chung cho quý thân, giống như nói Dạ-xoa trong kinh Hoa Nghiêm. “Thấy các trời người đến nghe pháp” là nêu nguyên do hiện thân; “Liên hiện thân hình”, chính thức hiện thân, vì nghe thuyết pháp nên tâm hoan hỷ mà hiện thân. Đây chính là nói Thiên nữ nhân nghe thuyết mà Đức thành tựu, Đức thành rồi thì khởi Dụng, Dụng ứng hợp với chúng sinh tâm, nên hiện. Thứ hai, mượn hoa để hiển Đức, gồm hai ý:

1. Để hiển Đức của Thiên nữ.
2. Để nêu trượng thất của ông Duy-ma có tám điều hy hữu.
Tùy theo văn để phân biệt thì gồm tám nghĩa:
 1. Nói Bồ-tát chẳng dính hoa.
 2. Từ câu “Xá-lợi-phất hỏi: Thiên nữ trụ nơi thất này đã lâu

chưa?...” trở xuống là nói về ý nghĩa chẳng lìa văn tự mà nói về giải thoát.

3. Từ câu “Xá-lợi-phất hỏi chẳng lìa dâm nộ si...” là nói chẳng lìa tam độc mà được giải thoát.

4. Từ câu “Ngài Xá-lợi-phất nói: Thiện tai! Thiện tai!...” trở xuống là nói về không chứng đắc.

5. Từ câu: “Xá-lợi-phất hỏi: Nàng cầu Thừa nào trong ba thừa?...” trở xuống là nói về chỗ mong cầu.

6. Từ câu “Xá-lợi-phất nói: Vì sao nàng không chuyển thân nữ?...” trở xuống là nói về không chuyển.

7. Từ câu “Xá-lợi-phất hỏi: Nàng chết ở đây rồi sinh vào đâu?” trở xuống là nói về không có chỗ sinh đến.

8. Từ câu “Xá-lợi-phất hỏi: Bao lâu nữa nàng sẽ chứng Bồ-đề...” trở xuống là nói về vô sở đắc.

- Tám câu này được chia làm hai môn:

1. Trừ tướng thì chẳng được, chẳng lìa.

2. Hiện thật thì thật được thật lìa.

Trong môn trừ tướng thì gồm bốn nghĩa:

1. Chẳng lìa.

2. Chẳng được.

3. Không xả.

4. Không thủ.

Trong tám môn, thì ba môn đầu nói về không lìa, một môn kế nói về chẳng được, hai môn kế là nói về không xả, hai môn sau cùng là nói về không thủ. Nghĩa này như thế nào? Ba môn đầu tiên là nói về các Bồ-tát biết tướng tức “Như”, ba nghiệp chẳng lìa; trong đó môn thứ nhất nói thân nghiệp chẳng lìa năm trần, môn thứ hai nói khẩu nghiệp chẳng lìa văn tự, môn thứ ba nói ý nghiệp chẳng lìa ba độc. Một môn kế tiếp nói Bồ-tát biết “Như” tuyệt tướng thì đắc không chứng; ngoài “Như” chẳng có tâm, nên không đắc, ngoài tâm chẳng có “Như” nên chẳng thủ. Vì thế không có chứng ngộ. Hai môn kế nói Bồ-tát biết “Như” thì thâm tâm chẳng xả bỏ, trong đó môn thứ nhất nói nội tâm chẳng xả bỏ ba thừa, môn thứ hai nói Báo thân chẳng xả bỏ tướng nữ. Hai môn sau cùng, lại nói Bồ-tát biết Như tuyệt tướng thì chẳng sinh chẳng thủ, trong đó môn thứ nhất nói thân bình đẳng nên không có sinh để chấp giữ, môn thứ hai nói nội tâm bình đẳng không có quả để chấp giữ. Tướng ngăn trừ như thế còn môn hiện thật gồm sáu phần, nghĩa quy về ba đôi. Sáu phần:

1. Một phần đầu nhờ việc đối luận với Thanh văn mà nói về như thật đối trị, ở nơi trần lao mà chẳng nhiễm.

2. Hai phần kế, nhờ đối luận với Thanh văn mà nói rõ giải thoát như thật, ở nơi trần cấu mà không bị trói buộc, hai đoạn trên là một đôi.

3. Kế đến một phần nói về đức như thật, không chứng mà chứng.

4. Kế đến một phần nói về nguyện như thật, ba thừa đều cầu; hai đoạn trên là một đôi.

5. Hai phần kế nói về thân như thật tức hiện tại không có gì để xả, vị lai không có sinh.

6. Một phần cuối cùng nói về tâm như thật, không đặc mà đặc, hai đoạn trên là một đôi.

- Trong đoạn một theo văn gồm sáu câu:

1. Thiên nữ muốn khuyên răn Bồ-tát và Thanh văn, nên rải hoa.

2. Từ câu “hoa đến...” nói về tâm của Bồ-tát và Thanh văn khác nhau nên hoa đến thân cũng khác; vì các tâm Bồ-tát lia tướng nên hoa đến thân liền rơi, còn Thanh văn thì tâm chấp tướng chưa trừ nên hoa đến liền dính.

3. Từ câu “Thần lực của tất cả đệ tử...” trở xuống là nói các Thanh văn xấu hổ vì hoa chẳng rơi, dùng thần lực phủi hoa mà hoa cũng chẳng rơi.

4. Từ câu “Lúc bấy giờ, Thiên nữ hỏi ngài Xá-lợi-phất...” trở xuống là Thiên nữ hỏi về ý phủi hoa.

5. Xá-lợi đáp rằng hoa chẳng phải là vật trang sức của người xuất gia, nên gọi là chẳng như pháp.

6. Từ câu “Thiên nữ nói” trở xuống là Thiên nữ tùy theo lời đáp mà dùng lý để chỉ bày trách cứ, trong đó trước quở trách, từ câu “nếu xuất gia nơi Phật pháp...” trở xuống là dùng lý chỉ bày.

Trong đoạn trách cứ nói rằng: “Chớ cho rằng hoa này chẳng như pháp” là theo câu đáp để trách cứ, từ câu “Vì sao?” trở xuống là giải thích. Trước hỏi sau giải đáp; nói “hoa không phân biệt” là nói lỗi chẳng do cảnh; câu “Tự ngài sinh phân biệt tướng” là đưa lỗi về người. Trong lời chỉ bày gồm sáu câu quy về ba đôi, đầu tiên đều bác Tiểu thừa, sau hiển Đại thừa, trong đó một đôi đầu căn cứ theo hạnh để phân biệt, đôi thứ hai là căn cứ theo tâm, đôi thứ ba căn cứ theo hoặc. Trong đôi thứ nhất, đầu tiên nói: “Nếu ở nơi Phật pháp xuất gia mà còn phân biệt là không như pháp”, đây là phá bác Tiểu thừa. “Nếu không phân biệt là như pháp” là hiển Đại thừa. Nếu không phân biệt là như pháp, tức lập

chung đạo lý. “Hãy xem hoa đầu dính trên thân Bồ-tát...” là căn cứ theo Đại thừa để hiển đức. Đây là đôi thứ nhất. “Thí như có người sợ hãi thì hàng phi nhân mới được tiện lợi, như thế đệ tử Phật sợ sinh tử, nên sắc, thanh, hương, vị, xúc mới được tiện lợi”, đây là phá bác Tiểu thừa; “người không còn sợ hãi, thì năm dục chẳng thể làm gì được”, lại hiển thị Đại thừa, đây là đôi thứ hai. “Các kết sử tập khí chưa dứt trừ thì hoa vẫn dính nơi thân” lại phá Tiểu thừa, “người đã dứt trừ kết sử tập khí thì hoa chẳng dính được” lại hiển Đại thừa; đây là đôi thứ ba. Ba phen phá Tiểu thừa khiến cho người sinh nhàm chán xả bỏ, ba phen hiển Đại thừa khiến người mến mộ mong cầu.

Thứ hai, nói về nghĩa ngay nơi Văn tự mà nói giải thoát, trong đó gồm bốn đôi:

1. “Ngài Xá-lợi hỏi Thiên nữ trụ ở nhà này đã bao lâu? Thiên nữ trả lời đầy đủ rằng: Như thời gian ngài được giải thoát”. Tức ngài được giải thoát thì tôi đã cư trụ ở ngôi thất này.

2. Xá-lợi-phất hiểu lầm nói: “Ở đây đã lâu thế ư? Thiên nữ liền hỏi: Ngài giải thoát đến nay cũng đã lâu thế ư?”. Ý của Thiên nữ là muốn cho rằng thật tánh bình đẳng không trói buộc của ngài Xá-lợi-phất là giải thoát, giải thoát này không có thời hạn, để dụ cho thật tánh của thân mình, tức an trụ nơi cảnh giới như thật của ông Duy-ma cũng không có lâu mau, tức chỗ nương của phàm Thánh thật là không hai, nhưng nay Xá-lợi-phất lại cho rằng khi đạt đạo đến nay gọi là giải thoát, đem việc này để sánh với nghĩa của Thiên nữ, cho nên nói là “Lâu thế ư?”. Thiên nữ biết Xá-lợi-phất hiểu lầm, nên hỏi vặn “ngài giải thoát cũng lâu thế ư?”.

3. Ngài Xá-lợi-phất biết là sai nên im lặng. Thiên nữ liền hỏi tiếp: “Là bậc kỳ cựu đại trí vì sao im lặng?”. Nói kỳ cựu là để hiển thị người tu học đã lâu, nói đại trí là hiển thị việc có thể trả lời được. Tức ngài đã là bậc kỳ cựu mà có đại trí vì sao lại im lặng?

4. Ngài Xá-lợi-phất trả lời “Giải thoát ấy chẳng có ngôn thuyết, cho nên nơi đó tôi không biết nói thế nào?”.

Thiên nữ nhân lời đáp này mà dùng lý để trách cứ và chỉ bày, trong đó gồm bốn câu:

1. Dùng lý chỉ bày, nói rằng “ngôn thuyết văn tự đều là tướng giải thoát”, đâu cần phải xả bỏ.

2. Từ câu “Vì sao” trở xuống là giải thích. Trước hỏi sau giải thích, “nói giải thoát tức chẳng ở trong chẳng ở ngoài chẳng ở khoảng giữa” là nói giải thoát đồng với văn tự; “văn tự cũng chẳng ở trong, chẳng ở

ngoài, chẳng ở khoảng giữa”, là nói giải thoát không đồng văn tự. Nghĩa này thế nào? Trong mười hai nhập thì sáu căn gọi là bên trong, sáu trần là bên ngoài, căn cứ theo hai pháp này mà nói là khoảng giữa. Văn tự và giải thoát thế của nó chân thật, vô sở hữu, Thế đã chẳng có, nói gì là trong, là ngoài là khoảng giữa, nghĩa này cũng chẳng khác, cho nên nói văn tự là tướng giải thoát, tức là đồng là thật tướng giải thoát.

3. Dùng lý kết luận để bác bỏ. “Vì thế! Thừa ngài Xá-lợi-phất! chẳng nên lìa văn tự mà nói giải thoát.

4. Từ câu “Vì sao?” trở xuống là giải thích. Trước hỏi sau giải thích, nói “tất cả pháp đều là tướng giải thoát”, so sánh để hiển nghĩa trên. Tánh của các pháp không định không buộc, rốt ráo tịch diệt tức giải thoát, văn tự cũng như thế, vì thế chẳng cần xả bỏ văn tự mà nói riêng về giải thoát.

Từ đây trở xuống là phần thứ ba nói về nghĩa ngay nơi ba đọc mà nói giải thoát. Ngài Xá-lợi-phất đầu tiên hỏi: “Chẳng lìa dâm nộ si mà được giải thoát ư?”. Ngài Xá-lợi-phất, trước nghe nói tất cả các pháp là tướng giải thoát, nên đặt câu hỏi này. Thiên nữ đáp: “Đức Phật vì người tăng thượng mạn mà nói lìa dâm, nộ, si là giải thoát” đây là phân biệt Tiểu khác Đại; hàng Tiểu thừa chưa đạt được rốt ráo, sinh khởi tướng rốt ráo nên gọi là tăng thượng mạn. Phật vì những người này mà nói lìa dâm nộ si... là giải thoát; dâm tức tham, nộ tức là sân, si tức vô minh. “Nếu người không có mạn thì Đức Phật nói dâm nộ si là giải thoát”, đây là phân biệt Đại khác Tiểu. Thế nào gọi là Dâm nộ si? Gồm hai nghĩa:

1. Căn cứ theo hóa, chư Phật, Bồ-tát tuy đã được Niết-bàn mà thường hiện khởi, cho nên văn sau ghi: “Vì tám mươi bốn ngàn các môn phiền não mà chúng sinh bị lao khổ, còn chư Phật thì lấy đó làm Phật sự”. Văn sau lại ghi: “Bồ-tát hiện khởi tất cả phiền não gọi là thông đạt Phật đạo”; Địa kinh nói là phát khởi thắng hạnh.

2. Căn cứ theo chân, thì tham sân si đều lấy chân làm thể. Suy tận cùng thể tánh tức là chân giải thoát, cho nên kinh ghi: “Khi phàm phu chưa thành Phật thì Bồ-đề là phiền não, bậc Thánh thành Phật thì phiền não tức Bồ-đề”, nghĩa cũng như ở đây. Như người mê, khi giải mê thì phương liền chánh, chẳng phải có phương chánh riêng nào ngoài mê mà tìm cầu. Biết được tham sân si tức chân giải thoát, tuy được giải thoát mà chẳng xả tham sân...

Thứ tư, nói về không đắc không chứng. Đầu tiên ngài Xá-lợi khen ngợi và hỏi để phát khởi, “Nàng được những gì? Chứng pháp gì mà có biện tài như thế?” Thiên nữ đáp: “Tôi không được gì không chứng gì

mới có biện tài như thế!” đây là dùng lý để giải đáp. “Thế nào là được (đắc)? Thế nào là chứng? Mà nói không được không chứng? Được và chứng nếu giải thích chung thì chỉ là một, nếu phân biệt thì gồm ba nghĩa:

1. Căn cứ theo hai môn hạnh giải để phân biệt; giải thì quán lãnh nạp các pháp gọi là được, hành thì tâm tương ứng gọi là chứng.

2. Căn cứ theo hai hạnh không hữu mà phân biệt, hạnh hữu thành tựu gọi là được, hạnh không thành tựu gọi là chứng.

3. Căn cứ hai môn diệt đạo để phân biệt, đạo hạnh thành tựu gọi là được, quả diệt tương ứng gọi là chứng.

Không được không chứng giải thích chung cũng có ba nghĩa:

1. Căn cứ theo người để phân biệt, được chứng ở nơi người, Bồ-tát thấy thật, biết không ngã nhân, nên gọi là không được không chứng, tương tự với nghĩa “chúng sinh và Di-lặc cũng như, nên không đắc” ở trước.

2. Căn cứ theo pháp để phân biệt, pháp là thân tâm, thân tâm khế hội gọi là được, là chứng, Bồ-tát quán xét rốt ráo biết thân tâm đều không, nên không được, không chứng, tương tự với nghĩa “Bồ-đề chẳng thể dùng tâm để được” nêu ở trên.

3. Căn cứ theo lý để phân biệt, lý như không tịch chẳng thể mong cầu nên gọi là không được không chứng; thể như hằng chẳng thể lấy bỏ nên gọi là không được không chứng, hơn nữa không có xứ sở nên không được không chứng, tương tự với nghĩa “Bồ-đề không có xứ sở, không được” ở văn sau. Do trừ bỏ tâm vọng tưởng có được có chứng mà được thật tuệ vô ngại, nên mới luận như thế. “Vì sao...” trở xuống là lời giải thích, trước hỏi sau giải đáp. “Nếu có được chứng thì đó là kẻ tăng thượng mạn trong Phật pháp”, nêu điều sai để hiển điều đúng. Thấy Ta có chứng pháp tăng thượng gọi là tăng thượng mạn. Người có chứng đắc đều bị lỗi này, Ta không có lỗi này, cho nên không chứng, không đắc.

Thứ năm, nói về Sở cầu. Đầu tiên ngài Xá-lợi-phất hỏi để phát khởi; “Nàng cầu thừa nào trong ba thừa?”. Thiên nữ đáp, có hai ý: Một là căn cứ theo hóa tha thì cầu cả ba thừa, vì dùng pháp Thanh văn giáo hóa chúng sinh, nên tôn làm Thanh văn; “dùng pháp Duyên giác để giáo hóa chúng sinh thì tôi là Duyên giác Bích-chi-Phật, dùng đại bi để giáo hóa chúng sinh thì tôi làm Đại thừa”; hai là nếu cứ theo tự lợi thì chỉ cầu Đại thừa, trong đây gồm bốn câu:

1. Một dụ một hợp, luận chung về những người đến trước thất đều cầu Phật đạo, chẳng thích Nhị thừa, pháp từ dụ mà gọi nên đặt là

Hương.

2. Từ câu “Có những Đế thích, Phạm Tứ Thiên vương...” trở xuống là nêu người để hiển mình, nói tất cả mọi người và trượng thất này, nghe vị thượng nhân ấy nói diệu pháp đều thích mùi hương Phật mà phát tâm cầu.

3. Từ câu “Tôi ở nơi đây...” trở xuống là nói mình đồng với người, “từ khi vào trượng thất này đến nay chỉ nghe pháp Đại thừa mà phát tâm cầu”, đây tức là hiển thị mình được ông Duy-ma thành tựu cho. Nói “Tôi ở ngôi trượng thất này mười hai năm” là nêu lên thời gian; ngay nơi trượng để luận thì sống ở trượng thất này đến nay mới mười hai năm. Nếu theo pháp mà luận Bồ-tát trụ trong mỗi một địa thì đầy đủ công đức của các Địa khác. Thiên nữ thành tựu đức của mười hai trụ, đều y cứ vào đây nên gọi là mười hai năm. Đầu tiên nói “Chẳng nghe nói pháp Thanh văn và Bích-chi”, là nêu nguyên do mình chẳng cầu Tiểu thừa, “Chỉ nghe đại từ, đại bi của Bồ-tát” là nói nguyên do mình chỉ cầu Đại thừa. Bốn, “ngôi trượng thất này thường hiện tám điều chưa từng có...” trở xuống là nói chung về nguyên do mình và người khi vào trượng thất này chỉ cầu Đại thừa; vì trong thất này có đủ tám điều chưa từng có, nên người vào đó đều cầu Đại thừa mà chẳng cầu thừa nào khác. Đây là hiển thị ông Duy-ma thành tựu sự bất tư nghì, trong đó đầu tiên nêu lên tám việc chưa từng có. Từ câu “Ai thấy các việc bất tư nghì...” trở xuống là căn cứ vào sự để hiển tâm. Phần đầu, trước nêu chung, kế đến là kể riêng, sau là kết luận, theo văn có thể biết.

Thứ sáu, nói về sở chuyển. Đầu tiên ngài Xá-lợi-phất hỏi để phát khởi. Đức của nàng như thế lẽ ra tự tại, thân nữ xấu ác vì sao nay không chuyển đổi? Thiên nữ đáp, để nói về không chuyển. Gồm có ba:

1. Thiên nữ nói mình không chuyển, khiến người phát lòng tin.

2. Từ câu “thí như...” trở xuống là nhờ dụ để phản vấn khiến người hiểu được.

3. Từ câu “tức thời Thiên nữ dùng thần thông...” trở xuống là biến thân nữ tại thân người để khiến người chứng biết.

Trong đoạn đầu nói “Ta từ mười hai năm nay” là nói về phần hạn cư trụ ở trượng thất đến cầu tướng bất khả đắc, cho nên nói mười hai năm nay tìm cầu tướng nữ nhân, rốt cuộc bất khả đắc. “Vậy chuyển cái gì?” là chính thức nói chẳng chuyển. Tướng nam nữ là căn cứ theo thân năm ấm mà nói, quán các ấm thể không, nên tìm cầu chẳng được, đã cầu chẳng được thì biết chuyển cái gì? Đoạn thứ hai, đầu tiên căn cứ theo dụ để phản vấn ngài Xá-lợi, “tức như nhà huyền thuật hóa ra

người nữ huyển, nếu có người hỏi vì sao chẳng chuyển, vậy câu hỏi ấy có đúng không?”. Nhà huyển thuật tức chân thân của Thiên nữ, người nữ huyển tức là Ứng thân của Thiên nữ, người bị hỏi là Xá-lợi-phất. Kế đó ngài Xá-lợi-phất theo lý trả lời: “Không”, tức trả lời chung; “huyển không có tướng nhất định, làm sao mà chuyển?” là dùng luận đáp để giải thích; từ câu “Thiên nữ...” trở xuống là nắm lấy câu hỏi để so sánh hiển các pháp, hầu làm rõ câu hỏi trên chẳng đúng. “Tất cả pháp cũng như thế không có tướng nhất định”, là nêu chung các pháp để so sánh đồng với việc huyển ở trước. Từ câu “Vì sao...” là nói rõ câu hỏi chẳng đúng. Đoạn thứ ba, văn gồm hai:

1. Khiến Xá-lợi-phất từ nam biến thành nữ, để người biết là không chuyển.

2. Từ câu “tức thời Thiên nữ thâm nhiếp thần lực...” trở xuống là khiến Xá-lợi-phất từ nữ biến thành nam để cho người biết không “tại đâu”.

- Phần một gồm năm câu:

1. Thiên nữ dùng thần lực biến Xá-lợi-phất giống như Thiên nữ, còn Thiên nữ tự hóa thành Xá-lợi-phất. Đây là thần lực của Địa thứ tám có thể biến thân mình thành thân chúng sinh, biến thân chúng sinh thành thân mình.

2. Thiên nữ hỏi vì sao chẳng chuyển.

3. Xá-lợi-phất đáp. “Mang hình tướng Thiên nữ” tức nói thân là người nữ, “mà trả lời rằng...” tức miệng trả lời; “chẳng biết vì sao mà chuyển”, tức nói không có chỗ để chuyển, vì nữ tức chẳng phải nữ, nên không có chỗ để chuyển; “mà biến làm người nữ” là nói chẳng phải không có chuyển, “không chuyển” là chẳng phải có, “mà biến” là chẳng phải không.

4. Thiên nữ căn cứ theo câu trả lời để hiển rõ tất cả; “thưa ngài Xá-lợi-phất! Nếu có thể chuyển thân nữ này thì tất cả các thân nữ khác cũng sẽ chuyển được”, tức căn cứ ý ngài Xá-lợi-phất chẳng biết vì sao chuyển ở trước để nói về nghĩa tất cả người nữ đều không chuyển, trái lại nếu ngài Xá-lợi-phất có thể ở nơi không phải nữ mà chuyển thân nữ, thì tất cả người nữ, thật cũng chẳng phải nữ, nơi không phải nữ cũng có thể chuyển; nếu ngài Xá-lợi-phất ở nơi chẳng phải nữ mà không thể chuyển thân nữ, thì tất cả nữ nhân nơi không phải nữ cũng chẳng thể chuyển được, làm sao lại bảo tôi chuyển thân nữ?, “Như ngài Xá-lợi-phất chẳng phải người nữ mà hiện thân nữ, thời tất cả người nữ cũng như thế...”. Căn cứ theo ý ngài Xá-lợi-phất biến thành nữ ở trước mà nói

về nghĩa tất cả người nữ đều có thể chuyển. “Như” là lời chỉ trích của Thiên nữ. “Như Xá-lợi-phất chẳng phải là người nữ mà hiện thân nữ” là lặp lại câu Xá-lợi mà biến thành người nữ nêu trên; “thì tất cả người nữ cũng như thế” là so sánh để rõ bày những người khác. So sánh như thế nào? Tức như ngài Xá-lợi-phất, hình thể thật chẳng phải là nữ mà hiện thân nữ, thì tất cả người nữ cũng như thế, hình thể chẳng phải nữ nhưng do tùy nghiệp huyễn biến chuyển mà thành nữ. Bởi chẳng phải nữ mà biến làm người nữ, cho nên tuy hiện thân nữ mà chẳng phải nữ, ta cũng như thế, tuy hiện thân nữ mà chẳng thật là nữ, thì cần chuyển làm gì?

5. Từ câu “vì thế...” trở xuống, dẫn lời Phật thuyết để chứng minh, tất cả người nữ này chẳng phải là nữ mà hiện thân nữ, tuy hiện thân nữ mà chẳng phải là nữ. vì thế Đức Phật nói “Tất cả pháp chẳng phải nam chẳng phải nữ”.

- Thứ hai, Xá-lợi-phất từ nữ biến lại thành nam, khiến mọi người biết không có chỗ “tại”, trong đó cũng gồm năm câu:

1. Thiên nữ thân thần lực, khiến ngài Xá-lợi-phất trở lại thân cũ.

2. Thiên nữ hỏi sắc tướng nữ thân nay tại đâu.

3. Xá-lợi-phất trả lời, sắc tướng nữ thân không tại chẳng phải không tại; tức thân chẳng phải nữ, cho nên nói không tại, cũng chẳng phải có thân nữ để bỏ đây được kia nên gọi là chẳng phải không tại; cũng có thể nói hiện tại không có nên gọi là không tại, cũng chẳng phải trước có sau trừ bỏ là không, nên gọi là chẳng phải không tại, cũng có thể nói hiện tại không, nên gọi là không tại, mà trước có hóa hiện ở tại thân nên gọi là chẳng phải không tại.

4. Thiên nữ y cứ vào lời đáp để so sánh hiển rõ các pháp, hầu nói các pháp không tại đâu; “tất cả các pháp cũng như thế, chẳng tại chẳng phải không tại”, gồm hai nghĩa: Một là pháp thể chẳng phải có, nên gọi là không tại, tự thể này vốn không, chẳng phải trước có sau phá trừ mới thành không, gọi là chẳng phải không tại; hai là pháp thể chẳng phải có, gọi là không tại.

5. “Phàm không tại...” là dẫn thuyết để chứng minh.

Thứ bảy, nói về không có chỗ sinh. Đầu tiên ngài Xá-lợi-phất hỏi: “Nàng chết ở đây thì sinh vào đâu?”. Thiên nữ so sánh để trả lời. “Đức Phật hóa sinh thế nào thì tôi cũng như thế”, hóa thân của Như Lai tuy sinh mà chẳng phải sinh, diệt mà chẳng diệt, nên lấy đó để so sánh đồng với mình. Kế đến ngài Xá-lợi-phất nói: “Phật hóa sinh chẳng phải chết rồi mới sinh”; từ câu “Thiên nữ nói...” trở xuống là theo lời đáp để so sánh hiển tất cả đều như Phật sinh mà chẳng sinh, diệt mà không

diệt.

Thứ tám, không có chỗ được. Gồm ba phen, đầu tiên Xá-lợi hỏi bao lâu sẽ đạt được A-nậu Bồ-đề, Thiên nữ phản đáp: “Khi nào ngài Xá-lợi-phất trở lại phạm phu thì tôi sẽ đạt được”; hai là Xá-lợi-phất nói tôi mà trở lại phạm phu thì thật không có lẽ ấy, Thiên nữ theo đó nói mình mà đạt được A-nậu Bồ-đề thì thật không có lẽ ấy. Đầu tiên lược nói, từ câu “vì sao?...” trở xuống là giải thích. Bồ-đề không có xứ sở nên không được”, như văn trên đã nói Bồ-đề là tướng vì thế chẳng thể dùng tâm được dùng thân được, nay nói không xứ sở, nên chẳng thể được, đây là một nghĩa.

Hỏi:

- Bồ-đề ở mé sau vì sao nói không có xứ sở?

Giải thích:

- Nếu từ phạm hưởng đến Bồ-đề thì Bồ-đề tại đương lai. Nếu căn cứ theo thật tánh của Bồ-đề thì ngoài thể chẳng có phạm, đã không có phạm phu sinh tử tại đây thì đâu được nói Bồ-đề tại kia, cho nên không có trụ xứ, vì không có trụ xứ nên không có tu chứng, không có được.

- Ba là Xá-lợi-phất theo lời đáp mà vấn nạn rằng: “Hiện nay chư Phật đều chứng được Bồ-đề, chư Phật quá khứ cũng đã chứng được vị lai cũng sẽ chứng được như hằng sa, nghĩa này thế nào?”. Từ câu “Thiên nữ...” trở xuống là lời giải thích, đầu tiên giải thích nghĩa ba thời chẳng phải là ba thời, từ câu “ngài được đạo A-la-hán...” trở xuống là giải thích nghĩa chư Phật được mà chẳng được.

Đầu tiên nói “Văn tự ở thế tục nói có ba thời” tức phân biệt tướng khác với thật, “chẳng phải Bồ-đề có quá khứ vị lai hiện tại” là nói thật khác với tướng, nghĩa này thế nào? Giải thích chung thì gồm bốn nghĩa:

1. Căn cứ ứng hóa đối đãi để phân biệt thì ứng hóa tùy nơi thời cho nên có ba thời, chân thì thường trụ giống như hư không, không có quá khứ vị lai hiện tại.

2. Căn cứ vào tánh tịnh và phương tiện trong chân để phân biệt, theo kinh Niết-bàn thì quả tánh tịnh đều gọi là Niết-bàn, quả phương tiện gọi là Bồ-đề, thế thì Bồ-đề nhờ vào duyên tu mà sinh, tuy thuộc ba thời, nhưng thể tánh Niết-bàn vốn tự có, chẳng từ duyên sinh, chẳng phải quá khứ vị lai hiện tại. Nếu theo kinh Kim Cang Bát-nhã... thì trong môn Bồ-đề có tánh tịnh và phương tiện khác nhau, phương tiện do tu mà sinh nên nói có ba thời, chẳng có quá khứ, hiện tại, vị lai.

3. Căn cứ vào việc tu chứng trong tánh tịnh để phân biệt, thì tánh

tịnh và Bồ-đề đều nhờ duyên tu mà hiển, tu thì có trước sau, tịnh thì chẳng phải một thời, cho nên có ba thời; nếu căn cứ từ chứng đắc thì nhìn lại xưa nay thường thanh tịnh, vì thường tịnh nên không ẩn, không hiển, chẳng phải nhân, chẳng phải quả, vì nghĩa này cho nên chẳng có quá khứ vị lai hiện tại. Nghĩa này tương tự với nghĩa “Xả bỏ tâm từ Thế đế, được tâm từ Đệ nhất nghĩa đế, tâm từ Đệ nhất nghĩa chẳng do nhân duyên mà được” nói trong kinh Niết-bàn.

4. Căn cứ theo duyên đạt đến thật trong tánh tịnh để phân biệt, theo duyên mà luận thật thì ngoài duyên lại có thật, thật ngoài duyên này dứt thì duyên mới hội, hội thì có trước sau, cho nên có ba thời; theo thật luận thật thì ngoài thật chẳng có duyên, duyên đã chẳng có thì cái gì che lấp ngã, cho nên xưa chẳng ẩn, xưa đã chẳng ẩn há lại có nay hiển ư? Thật tánh thường tịch chẳng tùy theo duyên mà biến, vì nghĩa này cho nên không có quá khứ, hiện tại, vị lai; giải thích chung thì như thế. Nghĩa ở đây bàn đến thì thuộc môn thứ ba, và lại căn cứ theo lý ở môn thứ tư cũng không phương hại.

Trên là đối với câu vấn nạn mà giải thích nghĩa ba thời, sau đây là đối câu hỏi mà nói về được và chẳng được. Trong đó, Thiên nữ trước hỏi: “ngài Xá-lợi-phất được đạo A-la-hán ư?”, ngài Xá-lợi đáp: “Chẳng được mà được”. Giải thích đoạn này, gồm có ba nghĩa:

1. Khi được quả A-la-hán thì diệt tận tình chấp gọi là “Chẳng được”, đạt được cái chẳng được này gọi là “mà được”.

2. Diệt tận xa lìa tình chấp gọi là “chẳng được”, chứng lý vô ngã gọi là “mà được”.

3. Thấy pháp vô tánh không thể tham trước gọi là “chẳng được”, được cái “chẳng được” này gọi là “mà được”.

Từ câu “Thiên nữ...” trở xuống là căn cứ theo lời đáp mà nói về nghĩa Phật, Bồ-tát được Bồ-đề không được mà được, gồm ba nghĩa:

1. Dứt tình chấp gọi là “chẳng được”, được cái “chẳng được” này gọi là “mà được”.

2. Dứt tình chấp gọi là “chẳng được”, nên kinh Niết-bàn nói mười “chẳng được”, thật chứng tương ứng gọi là “mà được”, nên kinh Niết-bàn nói Bồ-tát được Đệ nhất nghĩa; vì được đạo Bồ-đề và Niết-bàn nên chẳng phải “chẳng được”.

3. Chân tánh thường tịch không tu không chứng gọi là không gì được, pháp không được này vốn là vọng ẩn nhờ duyên mới hiển lộ nên gọi là “mà được”; thế thì “chẳng được” là từ duyên tu mà được, khi trở về đến chỗ được rồi thì được nơi “chẳng được”.

Trên là phần hai mượn hóa để hiển đức, từ đây xuống là phần thứ ba luận thật để hiển đức, trong đó đầu tiên nói về đức tự lợi, từ câu “dùng bản nguyện...” trở xuống là nói về đức lợi tha. Trong đoạn nói về tự lợi có ghi: “Bấy giờ, ông Duy-ma nói với ngài Xá-lợi-phất rằng: Thiên nữ này đã cúng dường chín mươi hai ức Đức Phật” là nói về việc tu tập khi xưa. Nói “Đã đạt được thần thông du hý...” là nói về việc thành tựu trước kia. Trong phần nói về tu tập thì luận là nên cúng nhiều Phật, nay nói chín mươi hai ức Phật là luận theo Báo thân ứng hiện. Trong phần thành tựu nói đã có thể đạt được thần thông du hý của Bồ-tát là nói đến diệu dụng thù thắng. Đây là hạnh tự tại làm thanh tịnh cõi Phật của Bồ-tát Địa thứ tám. Nói “Nguyện đầy đủ” là nêu đức đầy đủ, “được vô sinh nhẫn” là nói chứng ngộ sâu xa; “trụ nơi bất thoái chuyển” là hiển thị giai vị cao tột. Địa thứ bảy trở lên đồng được vô sinh nhẫn, nay lại trụ ở vị bất thoái là Địa thứ tám. Trong dòng nước pháp tự tại thắng cao gọi là trụ bất thoái. Lợi tha thì theo văn kinh có thể tự biết.
